|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG TY …………………… **QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *....... ngày ...tháng...năm...* |

**QUY CHẾ (mẫu)  
CHI TIÊU, SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN**

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP**

**CHƯƠNG I**

**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1**: **Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (*gọi tắt là Quỹ*) của (tên doanh nghiệp) quy định về các nội dung, định mức chi tiêu, sử dụng Quỹ có hiệu quả và đúng quy định.

**Điều 2** **: Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng cho toàn thể lãnh đạo, nhân viên của…….

**Điều 3:** **Căn cứ xây dựng Quy chế**

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung chi và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của *doanh nghiệp* ban hành kèm theo Quyết định số ...;

- Căn cứ ………

**Điều 4:** **Nguồn hình thành Quỹ**

Quỹ hình thành từ nguồn sau:

1. Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, cụ thể:

a) Trích cụ thể nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ;

b) Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(*Phần sau đây chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp có tổ chức công ty mẹ, công ty con)*

*2. Điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ xuống Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên; Điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con, doanh nghiệp thành viên về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ.*

*Việc Điều chuyển và tỷ lệ Điều chuyển nguồn giữa các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ với các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con, doanh nghiệp thành viên và ngược lại do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) quyết định trên cơ sở tỷ lệ trích Quỹ, nhu cầu đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ tại các công ty con, doanh nghiệp thành viên và nhu cầu, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của toàn hệ thống.*

**CHƯƠNG II**

**CÁC NỘI DUNG CHI CỦA QUỸ**

**Điều 5. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Nguồn vốn của Quỹ dùng để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

Quỹ thực hiện bố trí kinh phí đối ứng theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được ký kết và thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt.

2. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của *doanh nghiệp*.

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được thực hiện theo Quy chế khoa học và công nghệ của *doanh nghiệp*.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người, trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống được thực hiện theo quy định của Thông tư số [02/2015/TT-BKHCN](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=02/2015/TT-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chi cho các nội dung đã được Hội đồng khoa học và công nghệ của *doanh nghiệp* thẩm định và theo quy định tại Phụ lục 1;

d) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp áp dụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 6. Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

1. Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp: Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ; chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ; chi khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ; các hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp.

Việc đầu tư xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy trình và thủ tục của các dự án đầu tư và được…….. (cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp) phê duyệt.

2. Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

Các công nghệ thuộc Danh Mục công nghệ hạn chế chuyển giao chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép chuyển giao công nghệ.

Việc mua quyền sử dụng, quyền sở hữu thực hiện dựa trên một trong hai cơ sở sau:

a) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng khoa học và công nghệ của *doanh nghiệp* xét chọn, thẩm định về nội dung và kinh phí theo Quy chế khoa học và công nghệ của *doanh nghiệp*;

b) Hợp đồng mua bán hoặc Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu giữa doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng, quyền sở hữu.

3. Mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp đối với các công nghệ thuộc Danh Mục công nghệ hạn chế chuyển giao chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép chuyển giao công nghệ) để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp.

Việc đầu tư mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy trình và thủ tục của các dự án đầu tư và được……. (*cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp*) phê duyệt.

4. Trả tiền công, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

5. Chi cho các hoạt động sáng kiến.

a) Các sáng kiến do cơ quan công nhận theo quy định tại Nghị định số [13/2012/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2012/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến.

b) Trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng kinh phí từ Quỹ, căn cứ vào Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể, cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định mức chi trả cho các hoạt động sáng kiến được công nhận theo quy định.

c) Nội dung chi cho hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số [13/2012/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2012/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1" \t "_blank) ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến.

6. Chi cho đánh giá, thử nghiệm, kiểm chuẩn; chi phí quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

7. Các Khoản chi nghiên cứu thực hiện dự án, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhưng sản phẩm mới không tiêu thụ được hoặc các dự án này không tiếp tục triển khai và được Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp xác định vì nguyên nhân khách quan.

**Điều 7. Đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

1. Hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được thực hiện theo các nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng như sau:

a) Đào tạo bằng cấp tại các cơ sở giáo dục đại học;

b) Đào tạo theo nhóm nghiên cứu;

c) Đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng Điểm, các lĩnh vực khoa học và công nghệ mới;

d) Nghiên cứu sau đại học;

đ) Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ.

2. Việc đào tạo, bồi dưỡng thực hiện thông qua các hình thức ngắn hạn, dài hạn ở trong nước và nước ngoài; thực tập, làm việc ở các tổ chức khoa học và công nghệ có uy tín trong nước và nước ngoài; tham gia triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ và dự toán cho hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ hàng năm và được…….(*cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp*) phê duyệt.

4. Nội dung chi cho các hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ được quy định tại Phụ lục 2

*Định mức chi cho các hoạt động đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ được áp dụng các quy định hiện hành của Nhà nước về định mức chi cho đào tạo. (Đối với các nội dung chi chưa có định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xây dựng và ban hành định mức chi áp dụng cho doanh nghiệp để thực hiện).*

**Điều 8. Hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ**

1. Các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong nước và ngoài nước: Hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước; các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung theo lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên.

2. Hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ

a) Tùy theo các lĩnh vực hợp tác về khoa học và công nghệ, doanh nghiệp hợp tác về khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước được thực hiện theo các hình thức như sau:

- Đặt hàng nghiên cứu khoa học cho các tổ chức nghiên cứu và triển khai theo hình thức hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Chuyển giao công nghệ theo hợp đồng chuyển giao công nghệ;

- Đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực khoa học và công nghệ theo hợp đồng đào tạo;

- Thuê tư vấn về đổi mới công nghệ theo hợp đồng tư vấn;

- Hợp tác nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ cụ thể hoặc theo các lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc cụm ngành, chuỗi sản xuất các sản phẩm mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp;

b) Đối với các hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ này thực hiện quy trình xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí, đánh giá nghiệm thu theo quy định của Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

3. Các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên

Các hoạt động nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ theo các danh Mục thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên như Danh Mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh Mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định số [66/2014/QĐ-TTg](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=66/2014/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ ngoài nước ưu tiên thực hiện theo quy định tại Quyết định số [1069/QĐ-TTg](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=1069/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020 sẽ được nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định;

Doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài được ưu tiên và được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quyết định số [538/QĐ-TTg](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=538/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ.

**Điều 9. Hoạt động quản lý Quỹ**

1. Nội dung chi phục vụ hoạt động quản lý Quỹ bao gồm:

a) Chi lương và các Khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các Khoản đóng góp theo quy định;

b) Chi phụ cấp cho các cán bộ kiêm nhiệm bằng 15% mức lương tối thiểu;

c) Chi thuê trụ sở làm việc (nếu có);

d) Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ;

đ) Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của Quỹ;

e) Chi cho các hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (Phụ lục 1);

g) Chi phí thuê chuyên gia đánh giá cho Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (Phụ lục 1);

h) Chi các Khoản công tác phí phát sinh đi làm các nhiệm vụ của Quỹ (Áp dụng theo QĐ 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định, về việc ban hành định mức chi, tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định);

i) Các Khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ không vượt quá 15% tổng mức chi cho các hoạt động của Quỹ.

**Chương III**

**QUẢN LÝ QUỸ**

**Điều 10. Quản lý tài chính Quỹ**

1……( Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp) chuẩn y kế hoạch tài chính và Báo cáo về trích lập, Điều chuyển và sử dụng hàng năm của Quỹ.

2. Quỹ sử dụng cho hoạt động đầu tư khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy chế này. Doanh nghiệp không sử dụng nguồn vốn của Quỹ để đầu tư cho các hoạt động khác không gắn với việc phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp hoặc chi trùng lắp cho các hạng mục kinh phí của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tài trợ bởi các nguồn vốn khác.

*(Khoản 3 sau áp dụng cho công ty mẹ, công ty con)*

*3. Trong quá trình hoạt động, trường hợp tổng công ty, công ty mẹ cần sử dụng nguồn Quỹ của các công ty con, công ty thành viên và ngược lại, tổng công ty, công ty mẹ có thể quyết định Điều chuyển nguồn Quỹ để đáp ứng yêu cầu nguồn vốn cho hoạt động khoa học công nghệ của toàn hệ thống. Quyết định phải ghi rõ năm trích lập của nguồn Quỹ được Điều chuyển.*

4. Các Khoản chi từ Quỹ phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định.

5. Các Khoản chi đã được bảo đảm từ nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

6. Trường hợp trong năm bất kỳ, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cho hoạt động khoa học công nghệ vượt mức số dư hiện có tại Quỹ thì phần chênh lệch còn lại giữa số thực chi và số đã trích Quỹ được lựa chọn hoặc lấy từ số trích lập Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu hoặc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

**Điều 11. Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ**

1. Đối với tài sản cố định nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 6 của Quy chế này, *doanh nghiệp* lập hồ sơ tài sản cố định để theo dõi quản lý theo quy định của Bộ Tài chính và không phải trích khấu hao tài sản cố định. Các tài sản khác, *doanh nghiệp* tổ chức quản lý theo dõi theo quy định, đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

2. Các tài sản cố định đã được đầu tư từ nguồn vốn của Quỹ, nếu *doanh nghiệp* có thực hiện sửa chữa, nâng cấp thì tiếp tục sử dụng nguồn quỹ phát triển khoa học công nghệ của *doanh nghiệp* để chi trả.

3. Trường hợp tài sản cố định đã được đầu tư từ nguồn vốn của Quỹ chưa hết hao mòn, nếu chuyển giao cho hoạt động kinh doanh của *doanh nghiệp* thì phần giá trị còn lại của tài sản cố định hạch toán vào thu nhập khác và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Trường hợp tài sản cố định được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp tại Khoản 2 Điều 5 của Quy chế này chuyển giao phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì xác định giá trị của tài sản cố định hạch toán vào thu nhập khác và phần giá trị của tài sản đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

*(Khoàn 5 sau đây chỉ áp dụng đối với công ty mẹ, công ty con)*

5. Trường hợp tài sản cố định nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 6 được Điều chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quy chế này, doanh nghiệp phải xác định giá trị còn lại để Điều chỉnh tăng, giảm nguồn quỹ khoa học công nghệ khi Điều chuyển tài sản.

6. Các trường hợp thanh lý tài sản phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

3.Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân phản hồi ý kiến về Quỹ để xem xét, chỉnh sửa và trình….. (người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp) ban hành./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 1**

I. CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 5 Thông tư này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

II. ĐỊNH MỨC CHI QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Mức chi tối đa** |
| **I** | **Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN** |  |  |
| ***1*** | ***Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN*** | ***Hội đồng*** |  |
| 1.1 | Chủ tịch Hội đồng |  | 600 |
| 1.2 | Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng |  | 400 |
| 1.3 | Thư ký hành chính |  | 150 |
| 1.4 | Đại biểu mời tham dự |  | 100 |
| ***2*** | ***Chi nhận xét, đánh giá***  ***(Phiếu NX-ĐG)*** | ***01 phiếu NX-ĐG*** |  |
| 2.1 | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 300 |
| 2.2 | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 200 |
| **II** | **Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN** |  |  |
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 300 |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 200 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 150 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 100 |
| **III** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN** |  |  |
| ***1*** | ***Chi họp Hội đồng nghiệm thu*** | ***Nhiệm vụ*** |  |
| 1.1 | Chủ tịch Hội đồng |  | 600 |
| 1.2 | Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng |  | 400 |
| 1.3 | Thư ký hành chính |  | 150 |
| 1.4 | Đại biểu mời tham dự |  | 100 |
| ***2*** | ***Chi nhận xét, đánh giá*** | ***01 phiếu NX-ĐG*** |  |
| 2.1 | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 300 |
| 2.2 | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 200 |
| **IV** | **Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập** |  |  |
| 1 | Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập tính tối đa | Chuyên gia độc lập | 4.000 |
| **V** | **Chi tiền công phục vụ họp hội đồng** | **01 Hội đồng** | 100 |
| **VI** | **Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng** | **01 Hội đồng** | 150 |
| **VII** | **Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn** |  | Theo quy định |
| 1 | Phụ cấp lưu trú |  | Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh |
| 2 | Chi thuê phòng nghỉ |  |
| 3 | Tiền phương tiện đi lại |  |
| **VIII** | **Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra đột xuất; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN** |  |  |
| ***1*** | ***Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN*** |  |  |
| 1.1 | ***Chi họp Hội đồng*** | ***Hội đồng*** |  |
| 1.1.1 | Chủ tịch Hội đồng |  | 300 |
| 1.1.2 | Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng |  | 200 |
| 1.1.3 | Thư ký hành chính |  | 100 |
| 1.1.4 | Đại biểu mời tham dự |  | 100 |
| 1.2 | ***Chi nhận xét, đánh giá (Phiếu NX, ĐG)*** | ***01 phiếu NX, ĐG*** |  |
| 1.2.1 | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 150 |
| 1.2.2 | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 100 |
| ***2*** | ***Dự toán chi tiền công Hội đồng kiểm tra đột xuất*** | ***Nhiệm vụ*** |  |
| 2.1 | Chủ tịch Hội đồng |  | 200 |
| 2.2 | Thành viên hội đồng |  | 150 |
| 2.3 | Thư ký hành chính |  | 100 |
| 2.4 | Đại biểu mời tham dự |  | 100 |
| ***3*** | ***Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra đột xuất; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN*** |  | Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh |
| ***4*** | ***Dự toán chi thuê phương tiện đi lại phục vụ kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra đột xuất; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN*** |  | Trên cơ sở báo giá của chủ phương tiện cho thuê |

III. HỆ SỐ TIỀN CÔNG NGÀY CHO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức danh** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)** |
| **1** | Chủ nhiệm nhiệm vụ | **0,20** |
| **2** | Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học | **0,10** |
| **3** | Thành viên | **0,06** |
| **4** | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | **0,04** |

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

**Tc = Ltt x Hstcn x Snc**

Trong đó:

**Tc**: Dự toán tiền công của chức danh

**Ltt**: Lương tối thiểu vùng của doanh nghiệp do Nhà nước quy định

**Hstcn**: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

**Snc**: Số ngày công của từng chức danh

IV. ĐỊNH MỨC LÀM CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Khung định mức chi tối đa** |
| **I** | **Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu** | |
| 1 | Thuê chuyên gia trong nước (tính theo ngày công) | 15.000/người/tháng (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN)  Không quá 25% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN |
| 2 | Thuê chuyên gia ngoài nước (tính theo ngày công) |
| **II** | **Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu** | |
| 1 | Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu | Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan |
| **III** | **Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định** | |
| 1 | Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định | Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan |
| **IV** | **Dự toán chi hội thảo khoa học; hội nghị phục vụ hoạt động nghiên cứu** | |
| 1 | Người chủ trì | 750 |
| 2 | Thư ký Hội thảo | 250 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo (tối đa 01 nhiệm vụ KH&CN không quá 03 báo cáo) | 800/báo cáo |
| 4 | Báo cáo khoa học được tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo (Tối đa 01 nhiệm vụ không quá 05 báo cáo) | 400/báo cáo |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo | 100/thành viên/buổi |
| **V** | **Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu** | |
| 1 | Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu | Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC |
| **VI** | **Dự toán chị Hội nghị, Tập huấn** | |
| 1 | Dự toán chi Hội nghị, Tập huấn | Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh |
| **VII** | **Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN** | |
| ***1*** | ***Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN*** |  |
| 1.1 | Chủ tịch Hội đồng | 300 |
| 1.2 | Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng | 200 |
| 1.3 | Thư ký hành chính | 100 |
| 1.4 | Đại biểu mời tham dự | 100 |
| ***2*** | ***Chi nhận xét, đánh giá*** |  |
| 2.1 | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | 150/phiếu nhận xét đánh giá |
| 2.2 | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 100/phiếu nhận xét đánh giá |
| **VIII** | **Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN** | |
| 1 | Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN | 2,0% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (không quá 80 triệu đồng) |

**PHỤ LỤC 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Định mức chi** | **Chú thích** |
| 1 | Học phí | Theo hóa đơn của đơn vị đào tạo |  |
| 2 | Tài liệu học tập | Theo hóa đơn |  |
| 3 | Tiền tàu xe | Theo giá vé quy định |  |
| 4 | Phụ cấp lưu trú và phòng nghỉ |  |  |
|  | Đối với đi đào tạo từ 10 ngày trở lại | Áp dụng theo QĐ 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định, về việc ban hành định mức chi, tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định |  |
|  | Đối với đi đào tạo từ 10 ngày trở lên | Áp dụng mức khoán từ ngày thứ 11, với mức phụ cấp lưu trú và phòng nghỉ 10 triệu/tháng |  |